

Nhận định bối cảnh mới, xác định cơ hội và thách thức trong các hoạt động BVMT

**Hoàng Văn Vy - PCT Cục BVMT miền Bắc,
Tổng cục Môi trường**

Đất nước ta đang trong quá trình phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng; bảo vệ môi trường là 1 trong 3 trụ cột của phát triển bền vững; hội nhập kinh tế quốc tế góp phần giúp chúng ta có cơ hội hoàn thiện hệ thống pháp luật bảo vệ môi trường; tạo điều kiện áp dụng các thành tựu khoa học kỹ thuật hiện đại, thân thiện môi trường vào sản xuất; đảm bảo nguồn lực tài chính đối với các hoạt động bảo vệ môi trường;...Chính vì vậy, Luật BVMT 2020 đã có những chế định rất cụ thể để tạo điều kiện đẩy nhanh tiến trình phát triển và hội nhập quốc tế trong tình hình mới. Bên cạnh những thời cơ, không tránh khỏi những thách thức cần tiếp tục quan tâm giải quyết.

Thứ nhất. Luật BVMT chế định kiểm soát chặt chẽ dự án có nguy cơ tác động xấu đến môi trường mức độ cao (Nhóm I) với nhiều nhóm đối tượng dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường, điều này rất phù hợp thực tế quản lý BVMT hiện nay; vừa đảm bảo thu hẹp đối tượng phải thực hiện đánh giá tác động môi trường, giảm thủ tục không cần thiết cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp, tiết kiệm chi phí; tuy nhiên, với nhóm dự án có yêu cầu chuyên mục đích sử dụng đất quy mô trung bình trở lên nhưng có yếu tố nhạy cảm về môi trường; đặc biệt đối với dự án thủy điện, thường tác động trực tiếp đến việc chuyển đổi diện tích rừng nguyên sinh có tính đa dạng sinh học cao; được trồng thay thế bằng diện tích rừng trồng (theo Luật Đất đai và Luật Lâm nghiệp) có tính đa dạng sinh học đơn điệu cũng là sự trả giá không hề nhỏ; việc bổ sung diện tích rừng trồng thay thế diện tích rừng nguyên sinh đã làm mất khả năng điều tiết dòng chảy trên lưu vực sông; để lại những hậu quả rất lớn về môi trường do Lũ ống, lũ quét, sạt lở đất,... do tính chất của rừng trồng khác biệt rất lớn với rừng nguyên sinh.

Thứ hai. Cắt giảm thủ tục hành chính về BVMT và thực hiện nguyên tắc một việc chỉ giao cho một cơ quan chủ trì thực hiện là điều kiện thuận lợi để triển khai nhanh chóng các dự án đầu tư phát triển, tiết kiệm thời gian, chi phí cho doanh nghiệp; đồng thời còn là điều kiện rất tốt để hỗ trợ thu hút các dự án đầu tư

sản xuất, kinh doanh tại Việt Nam. Tuy nhiên, cần hiểu chính xác, việc “cắt giảm thủ tục hành chính” theo Luật BVMT 2020 thực chất là “gom” nhiều loại giấy phép thành phần thành một Giấy phép môi trường mà không phải là “bỏ” thủ tục hành chính; do đó, sẽ rất khó khăn và lúng túng đối với các cơ quan quản lý Nhà nước (ít nhất là trong năm 2022) khi hướng dẫn việc thực hiện việc “gom” các loại giấy phép thành phần thành một giấy phép môi trường trong điều kiện chúng ta phải xử lý đồng thời rất nhiều vấn đề cùng một lúc (Nhiều nội dung; nhiều phạm vi, nhiều đối tượng;...).

Việc cắt giảm thủ tục hành chính BVMT trong bối cảnh hội nhập đang diễn ra mạnh mẽ sẽ đẩy nhanh tiến độ các dự án đầu tư FDI vào các ngành sản xuất công nghiệp; trong đó có nhiều ngành thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường, tiêu tốn năng lượng: Dệt, nhuộm, sắt, thép, lọc hóa dầu,...) dẫn đến gia tăng nhu cầu năng lượng, đồng thời tiềm ẩn nhiều nguy cơ tác động xấu đến môi trường (nước, đất, không khí).

Việc gia tăng nhập khẩu hàng hoá, vật tư, công nghệ,... nếu không được kiểm tra, giám sát chặt chẽ sẽ dẫn Việt Nam đến nguy cơ trở thành bãi chứa các thiết bị, dây chuyền lạc hậu, nơi tiêu thụ những hàng hoá kém chất lượng, thậm chí là chất thải.

Xu hướng xuất khẩu ô nhiễm (đối với các loại hình sản xuất có nguy cơ ô nhiễm cao) từ các nước phát triển sang các nước đang phát triển thông qua các dự án FDI có nguy cơ khiến Việt Nam trở thành một trong những nước có mức nhập khẩu ô nhiễm cao bởi các tiêu chuẩn về môi trường của chúng ta còn khá thấp.

Việc đẩy mạnh tốc độ tăng trưởng xuất khẩu thông qua việc khai thác triệt để mọi nguồn lực tự nhiên sẵn có như các loại tài nguyên, đặc biệt là nguồn tài nguyên không tái tạo (dầu mỏ, than đá, kim loại màu, ...) nếu không có sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế và cơ cấu xuất khẩu sẽ dẫn đến tình trạng khai thác cạn kiệt, rừng bị tàn phá, tổn hại đến đa dạng sinh học, cảnh quan; môi trường tiếp tục bị ô nhiễm.

Thứ ba. Việc đẩy mạnh hoạt động phân loại rác thải tại nguồn, áp dụng cơ chế giá dịch vụ thu gom, xử lý chất thải; định hướng cách thức quản lý, ứng xử với chất thải; coi rác là tài nguyên, đây là một chủ trương hết sức ưu việt, khi

nguồn tài nguyên thiên nhiên của chúng ta đang dần bị khai thác cạn kiệt thì rác thải được xem là nguồn tài nguyên quý giá có thể tái chế, tái sử dụng; khi đó, rác thải của ngành này sẽ là nguồn nguyên liệu sản xuất của ngành khác; việc phân loại rác tại nguồn mang lại lợi ích to lớn, tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên; tăng cường tái chế và giảm lượng rác cần phải xử lý cũng có nghĩa là giảm thiểu ô nhiễm môi trường do rác thải; đồng thời giảm diện tích cần sử dụng để xử lý, chôn lấp. Nhưng để đạt được mục tiêu này, phải thực hiện triệt để phân loại rác tại nguồn; theo báo cáo năm 2017 của Hiệp hội bảo tồn đại dương về rác thải nhựa, Việt Nam đứng thứ tư trong năm quốc gia đứng đầu thế giới về lượng phát thải nhựa xuống biển; thực tế trong rác thải phát sinh ở Việt Nam, tỷ lệ rác có thể tái chế, tái sử dụng chiếm tỷ lệ khoảng 70 - 80% khối lượng phát sinh; trong đó chủ yếu là chất thải nhựa, thủy tinh, giấy, kim loại,...; do không được phân loại tại nguồn nên hoạt động thu gom chất thải tái chế, tái sử dụng; các loại chất thải tái chế thường được gọi là “phế liệu”, có quy mô nhỏ, lẻ nên khó hình thành thị trường phế liệu đủ lớn để tập trung đủ nguồn phế liệu cung cấp cho các cơ sở trong nước để làm nguyên liệu sản xuất.

Khi chúng ta thực hiện phân loại tốt tại nguồn theo Luật Bảo vệ môi trường 2020, đây sẽ là nguồn nguyên liệu tái chế, tái sử dụng rất quan trọng, góp phần giảm đáng kể việc khai thác tài nguyên và phụ thuộc vào việc nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài, đồng thời sẽ giảm thiểu các tác động xấu đến các thành phần môi trường. Bên cạnh đó, việc phân loại, tách riêng chất thải thực phẩm trong rác sinh hoạt còn giảm thiểu ô nhiễm môi trường đất, nước, không khí do mùi và nước rỉ rác. Tuy nhiên, để đảm bảo hiệu quả phân loại rác tại nguồn, phải đồng thời đảm bảo chuỗi quản lý khép kín (Thu gom – Vận chuyển - Xử lý) khi rác đã được phân loại, triệt để tại nguồn, đặc biệt là rác tái chế, tái sử dụng, nếu chuỗi vận chuyển và xử lý bị hạn chế bởi “tổ chức, cá nhân có chức năng phù hợp” hoặc được phép vận chuyển, xử lý, có thể làm đứt gãy chuỗi quản lý; nhiều tổ chức, cá nhân sẽ bị xử phạt vi phạm về phân loại chất thải rắn; việc quản lý, giám sát, áp giá theo khối lượng phát sinh khó thực hiện; làm giảm hiệu quả cho hoạt động thu gom chất thải tái chế, tái sử dụng; giảm hiệu quả của hoạt động phân loại rác tại nguồn; khi đó, các cơ sở sản xuất vẫn phải tiếp tục phải phụ thuộc vào nguồn phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài. UBND các cấp sẽ rất khó khăn khi giành quỹ đất để quy

hoạch các điểm tập kết, trạm trung chuyển để phân loại các loại chất thải tại các khu vực đô thị.

Thứ tư. Đẩy mạnh tái chế chất thải, bao bì, sản phẩm sản xuất, nhập khẩu theo Luật BVMT 2020 quy định ưu tiên tái chế CTRSH, CTRTT, bao bì, sản phẩm sản xuất và nhập khẩu là yêu cầu rất phù hợp với xu thế chung về BVMT trong quá trình phát triển của các quốc gia trên thế giới; ở Việt Nam, nhu cầu vật liệu tái chế cũng rất cao, vật liệu tái chế thường được gọi chung là “phế liệu” có thể kể đến gồm: Nhóm nhựa; nhóm kim loại; nhóm giấy;... tuy nhiên, phần lớn các loại phế liệu này đều nhập từ nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất (chiếm khoảng từ 70 - 80% nhu cầu); mặc dù hầu hết các loại phế liệu nội địa đủ để đáp ứng được nhu cầu sản xuất trong nước; nhưng do lâu nay hoạt động phân loại, thu gom đặc biệt là chất thải rắn tái chế của chúng ta chủ yếu là nhỏ, lẻ và tự phát nên chưa thể hình thành một thị trường phế liệu đủ lớn để tập trung khối lượng lớn phế liệu đáp ứng cho nhu cầu sản xuất trong nước, nên các doanh nghiệp phải xin phép nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài để làm nguyên liệu sản xuất.

Việc quy định tỷ lệ bắt buộc tái chế là cần thiết đảm bảo chế tài đủ mạnh để tăng dần tỷ lệ tái chế và giảm dần tỷ lệ chất thải cần phải xử lý; việc đẩy mạnh hoạt động tái chế để tận dụng tối đa giá trị của chất thải còn góp phần tạo việc làm, thu nhập cho bộ phận khá lớn người nghèo tại các khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa. Tuy nhiên, khi hoạt động tái chế phát triển mạnh, hình thành thêm nhiều cơ sở tái chế quy mô nhỏ, tập trung tại nhiều làng nghề tái chế phế liệu, sẽ gây rất nhiều khó khăn cho công tác quản lý môi trường và kiểm soát ô nhiễm làng nghề; làm gia tăng tình trạng ô nhiễm môi trường đất, nước và không khí tại các địa phương; đôi khi, ô nhiễm môi trường tại các làng nghề tái chế trở thành những điểm nóng, nhức nhối về ô nhiễm môi trường kéo dài, khó giải quyết dứt điểm. Quy định tỷ lệ tái chế bắt buộc đối với doanh nghiệp sản xuất, nhập khẩu bao bì, sản phẩm chưa thuyết phục và thiếu khả thi hoặc không thể thực hiện được; có thể buộc doanh nghiệp phải có bộ phận thu mua các loại bao bì, sản phẩm để tái chế hoặc đóng góp kinh phí tái chế, xử lý, làm gia tăng chi phí không nhỏ cho doanh nghiệp.

Thứ năm. Hoạt động ứng phó sự cố môi trường đối với chất thải, được Luật BVMT năm 2020 quy định đối với một số đối tượng có nguồn thải lớn, nhằm

phòng ngừa, hạn chế sự cố môi trường do chất thải gây ra trong quá trình hoạt động sản xuất của doanh nghiệp; tuy nhiên, việc quy định ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải bằng hình thức xây hồ sự cố gây khó khăn, lúng túng cho cả cơ quan quản lý và doanh nghiệp khi bố trí đủ diện tích đất để đầu tư xây dựng hồ sự cố theo quy định hoặc quy định về diễn tập ứng phó sự cố môi trường đối với chất thải, làm tăng thêm gánh nặng về thời gian và chi phí để diễn tập ứng phó sự cố cho doanh nghiệp khi đối tượng phải có phương án diễn tập phòng ngừa, ứng phó sự cố với rất nhiều lĩnh vực khác nhau.

Thứ sáu. Quy định về quan trắc, giám sát môi trường tự động, liên tục là yêu cầu bắt buộc phải có hệ thống quan trắc, giám sát nguồn thải tự động, liên tục đối với các nguồn thải lớn, thuộc loại hình sản xuất có nguy cơ ô nhiễm môi trường cao trong điều kiện hiện nay là rất phù hợp và cần thiết, để kiểm soát, giám sát thường xuyên, liên tục đối với nguồn thải lớn, phòng ngừa sự cố môi trường. Tuy nhiên, do đối tượng khá rộng; các quy định liên quan đến hệ thống quan trắc tự động, đặc biệt là thông số quan trắc khí thải hiện nay quy định chung cho tất cả các nguồn khí thải mà không xét đến đặc điểm nguồn khí thải khác nhau và quy định của pháp luật thiếu ổn định lâu dài, gây khó khăn, lúng túng và lãng phí cho doanh nghiệp khi thực hiện theo quy định của pháp luật. Bên cạnh đó, việc quan trắc và truyền số liệu về các cơ quan quản lý hoặc cơ quan chuyên môn về BVMT theo quy định còn gặp khó khăn, khó đảm bảo độ tin cậy, do phụ thuộc rất nhiều vào thiết bị quan trắc, hạ tầng công nghệ thông tin và kinh phí đầu tư nâng cấp, vận hành, bảo trì, bảo dưỡng, kiểm định, hiệu chuẩn,...

Với việc nhìn nhận đầy đủ về những cơ hội và thách thức trong các hoạt động BVMT theo Luật BVMT 2020 chúng ta sẽ từng bước khắc phục những hạn chế, hoàn thiện dần các quy định của pháp luật để từng bước nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý về BVMT đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế trong thời gian tới./.